

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HS-ST.
Ngày 28-5-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Minh;

Ông Trần Ái Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Trường Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị N, sinh năm 1976, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Số xx, Ấp y, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q và bà Dương Thị R; có chồng (đã chết) và 01 con; Tiền sự, tiền án: không; Nhân thân: Tốt; Bị bắt tạm giữ từ ngày 09/01/2018 đến ngày 18/01/2018 được thay thế biện pháp bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại có mặt.

2. Lý Quốc B, sinh năm 1979, tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Số xxx, đường y, Khu phố z, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn H và bà Huỳnh Thị Đ; có vợ và 03 con; Tiền sự, tiền án: không; Nhân thân: Tốt; Bị bắt tạm giữ từ ngày 09/01/2018 đến ngày 18/01/2018 được thay thế biện pháp bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp S, xã B, huyện U, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 09/01/2018, Nguyễn Thị N điện thoại cho một người tên T (không rõ địa chỉ) hỏi mua 1.300 bao thuốc lá điều nhãn hiệu Jet với giá 160.000 đồng/10 bao và 850 bao thuốc lá điều nhãn hiệu Hero với giá 130.000 đồng/10 bao. Hai bên thống nhất hẹn địa điểm giao dịch mua bán tại khu vực ấp H, xã C, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Sau đó, N đi trên xe ô tô biển số 61A-xxx.xx do B điều khiển chở thêm H và người tên H1 (không rõ địa chỉ) cùng đi sang Campuchia để đánh bạc. Khi lên xe thì N nói riêng với B là sau khi chơi đánh bạc xong, B chở N đi mua thuốc lá điều nhập lậu để đem về Thành phố Hồ Chí Minh tiêu thụ, N sẽ trả thêm tiền công vận chuyển thuốc lá cho B là 700.000 đồng thì B đồng ý.

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, sau khi chơi đánh bạc xong, B điều khiển xe ô tô biển số 61A-xxx.xx chở N, H, riêng H1 ở lại Campuchia. Khi đến địa điểm đã hẹn, B dừng xe và cùng N chất số thuốc lá điều nhập lậu (gồm: 1.300 bao nhãn hiệu Jet, 850 bao nhãn hiệu Hero) lên xe do hai người (một nam, một nữ không rõ họ tên, địa chỉ) đem đến giao; riêng H vẫn ngồi trên xe và không tham gia vào việc mua bán thuốc lá. Sau đó, B điều khiển xe vận chuyển số thuốc lá trên đến khu phố L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, thì bị Công an huyện T bắt quả tang vào lúc 18 giờ 45 phút cùng ngày.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, vật chứng bị thu giữ như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại Cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị N về tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 190 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Lý Quốc B về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 191 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Buôn bán hàng cấm”, bị cáo Lý Quốc B phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N từ 12 đến 15 tháng tù. Áp dụng khoản 4

Điều 190 của Bộ luật hình sự phạt bổ sung từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 191, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lý Quốc B từ 06 đến 09 tháng tù. Áp dụng khoản 4 Điều 190 của Bộ luật hình sự phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người làm chứng, biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận như sau: Vào ngày 09/01/2018, bị cáo Nguyễn Thị N có hành vi mua 2.150 bao thuốc lá điều nhập lậu (gồm 1.300 bao nhãn hiệu Jet và 850 bao nhãn hiệu Hero) để bán lại cho người khác nhằm hưởng lợi bất chính. Bị cáo Lý Quốc B có hành vi dùng xe ô tô biển số 61A-xxx.xx vận chuyển số thuốc lá trên cho bị cáo N để hưởng tiền công vận chuyển là 700.000 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Cụ thể: Bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 190 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Lý Quốc B phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 191 của Bộ luật Hình sự.

[3] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế được pháp luật bảo vệ, xâm hại đến nền kinh tế quốc dân, vi phạm pháp luật về hàng cấm, các bị cáo biết rõ hành vi của các bị cáo là tiếp tay cho các đối tượng buôn lậu nhưng các bị cáo vẫn thực hiện nhằm hưởng lợi bất

chính. Vì vậy, cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để có tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt có xem xét đến tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như:

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng;

- Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo N có bà nội được tặng thưởng danh hiệu bà mẹ Việt Nam anh hùng. Bị cáo B có cha được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất. Bị cáo B phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó bị cáo N được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo B được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có tài sản bảo đảm nên không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội như đề nghị của đại viện Viện kiểm sát mà áp dụng hình phạt tiền cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa tội phạm.

Do áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Đối với ông Đỗ Văn H và người tên H1 không có tham gia trong việc mua bán, vận chuyển thuốc lá nhập lậu nên không đề cập xử lý. Riêng người tên T cùng hai người mà bị cáo N khai nhận có tham gia bán thuốc lá điều nhập lậu cho N; hiện không rõ họ tên, địa chỉ và chưa làm việc được, Cơ quan điều tra đang tiếp tục làm rõ để xử lý sau.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với xe ô tô biển số 61A-xxx.xx của bà Trần Thị Ngọc H. Bị cáo B dùng làm phương tiện vận chuyển thuốc lá, bà H không biết nên cơ quan điều tra đã trả lại bà H là phù hợp.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu bạc, số Imei: 990002732355566 của bị cáo N dùng vào việc phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước; đối với 1.300 bao thuốc lá nhãn hiệu Jet và 850 bao thuốc lá nhãn hiệu Hero là hàng cấm cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Buôn bán hàng cấm”, bị cáo Lý Quốc B phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 190, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 191, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lý Quốc B 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Số tiền các bị cáo nộp phạt một lần trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và được nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu bạc, số Imei: 990002732355566.

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 1.300 bao thuốc lá nhãn hiệu Jet và 850 bao thuốc lá nhãn hiệu Hero.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thị N, Lý Quốc B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Tây Ninh;
- VKS H. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H. Trảng Bàng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Văn Trường